

UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 355/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo ngành Việt Nam học
trình độ đại học, hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học số 42/VBHN-VPQH, ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo “Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học”;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định “Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ”;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn Trường Đại học Phú Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành Việt Nam học (mã số 7310630) trình độ đại học hệ chính quy, khóa đào tạo 2020-2024.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng Đề cương chi tiết học phần để sử dụng chính thức trong

giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Nguyễn Định

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 355/QĐ-ĐHPY ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: DU LỊCH (*Tourism*)
Trình độ đào tạo: ĐẠI HỌC
Ngành đào tạo: VIỆT NAM HỌC (*Vietnamese Studies*)
Mã số: 7310630
Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY
Loại bằng: CỬ NHÂN
Khoa quản lý: KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN
Website: www.pyu.edu.vn

1. Giới thiệu chung

- *Triết lý giáo dục của Trường Đại học Phú Yên:* “Chất lượng – Hiệu quả – Sáng tạo – Vì cộng đồng”

- *Về chương trình và ngành đào tạo:* Chương trình Du lịch được xây dựng dựa trên nền tảng “Lý thuyết đi đôi với thực tiễn” và thực tế công việc mà sinh viên ngành Việt Nam học sẽ đi làm sau khi tốt nghiệp.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Việt Nam học trình độ đại học có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; có tinh thần trách nhiệm cao, tuân thủ các quy định của pháp luật, hòa đồng với tập thể. Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ du lịch: thiết kế, tổ chức, điều hành và thực hiện các chương trình du lịch.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức

- PO1: Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lịch sử, địa lý, văn hóa và nguồn lực, chính sách phát triển du lịch để thực hiện công việc thuộc lĩnh vực du lịch.

- PO2: Vận dụng kiến thức chuyên ngành để thực hiện các công việc: tổ chức, thiết kế và điều hành chương trình du lịch, thiết kế và tổ chức các sự kiện văn hóa - du lịch; hướng dẫn viên du lịch, nhân viên lễ tân, nhân viên nhà hàng - khách sạn và nhân viên các dịch vụ du lịch khác.

2.2.2. Về kỹ năng

- PO3: Thực hiện các nhóm kỹ năng thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch.

- PO4: Thực hiện các nhóm kỹ năng hướng dẫn du lịch và dịch vụ nhà hàng - khách sạn.

- PO5: Sử dụng tốt Tiếng Anh giao tiếp và các phương tiện truyền thông hiện đại phục vụ công việc.

- PO6: Ứng xử chuẩn mực trong giao tiếp với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp; trong những tình huống phát sinh và các sự cố bất thường khi thực hiện công việc.

2.2.3. Về thái độ

- PO7: Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp.

- PO8: Tôn trọng các giá trị văn hóa của quốc gia, vùng miền.

2.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PO9: Chủ động làm việc độc lập và phối hợp làm việc nhóm.
- PO10: Điều hành, quản lý và giám sát, đánh giá hoạt động du lịch.

2.2.5. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Làm việc trong các đơn vị tổ chức hoạt động quản lý du lịch.
- Làm việc trong các cơ sở kinh doanh du lịch.

2.2.6. Khả năng học tập nâng cao

- Tự học và nghiên cứu chuyên môn, nghiệp vụ để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp theo yêu cầu vị trí công tác.
- Học tập tiếp ở trình độ sau đại học các chuyên ngành Du lịch.

3. Chuẩn đầu ra

Theo Quyết định số 245 /QĐ-ĐHPY ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc ban hành chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy, khóa tuyển sinh năm 2020.

3.1. Chuẩn đầu ra chung – PLO0: (theo Quyết định số 245 /QĐ-ĐHPY ngày 10 tháng 8 năm 2020).

3.2. Về kiến thức

1. PLO1: Vận dụng các kiến thức lịch sử, địa lý, con người, nguồn lực và chính sách phát triển vào thực hiện công việc thuộc lĩnh vực du lịch, nhà hàng - khách sạn.
2. PLO2: Phân tích kiến thức ngành du lịch, nhà hàng - khách sạn để thực hiện những công việc chính của dịch vụ du lịch, dịch vụ nhà hàng - khách sạn: hướng dẫn viên du lịch, quản lý điều hành hoạt động du lịch; nhân viên lễ tân, quản lý, điều hành, phục vụ buồng phòng, ăn uống.
3. PLO3: Vận dụng kiến thức vào quản lý, điều hành, giám sát và tổ chức công việc du lịch và các việc liên quan đến hoạt động du lịch.

3.3. Về kỹ năng

4. PLO4: Thực hiện chính xác nhóm kỹ năng của hướng dẫn du lịch.
5. PLO5: Thực hiện chính xác nhóm kỹ năng của dịch vụ nhà hàng - khách sạn.
6. PLO6: Xử lý chính xác những tình huống phát sinh, sự cố bất thường trong khi thực hiện công việc chuyên môn.
7. PLO7: Sử dụng chuẩn xác Tiếng Anh trong giao tiếp với khách hàng và các phương tiện truyền thông hiện đại vào công việc.
8. PLO8: Xử lý chính xác trong giao tiếp với khách hàng, đối tác và thành viên trong nhóm làm việc.

3.4. Về thái độ

9. PLO9: Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của người hướng dẫn du lịch; dịch vụ nhà hàng - khách sạn và công việc trong lĩnh vực quản lý du lịch ở Việt Nam.
10. PLO10: Tôn trọng các giá trị lịch sử, văn hóa của quốc gia, vùng miền.

3.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động làm việc độc lập hoặc phối hợp với các thành viên trong nhóm thực hiện công việc hướng dẫn du lịch, công việc của nhà hàng - khách sạn tùy theo quy mô công việc, điều kiện làm việc.
- Quản lý, hướng dẫn và giám sát công việc của hướng dẫn viên du lịch, nhân viên nhà hàng - khách sạn, cơ sở dịch vụ du lịch.
- Triển khai thực hiện và đánh giá kết quả công việc phục vụ nhà hàng - khách sạn; tổ chức được một số hoạt động du lịch.
- Lập được kế hoạch, tổ chức triển khai và đánh giá, cải thiện hiệu quả làm việc các dự án, công việc chuyên môn cụ thể của cá nhân hoặc của nhóm.

Bảng 3.1: Quan hệ đáp ứng giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT

Mục tiêu POs	Chuẩn đầu ra PLOs									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x	x	x		x					
PO2	x	x	x		x					x
PO3	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO4			x	x		x	x	x	x	x
PO5	x	x	x		x	x				x
PO6	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO7	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO8	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO9	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PO10	x									x

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Những quy định khác theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 125 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn (*chưa kể Giáo dục thể chất 4 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ*).

STT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương (<i>chưa kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh</i>)	30	30	0
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	95	64	31
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	22	14	8
2.2	Kiến thức ngành	30	22	8
2.3	Kiến thức nghiệp vụ ngành	29	21	8
2.4	Thực tập tốt nghiệp	7	7	0
2.5	Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế	7	0	7
Tổng cộng		125	94	31

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quyết định số 414/QĐ-ĐHPY ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Bảng 6.1 : Mô tả sự chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT

Chương trình đào tạo: Việt Nam học		Triết lý giáo dục			
		Chất lượng	Hiệu quả	Sáng tạo	Vì cộng đồng
Khối kiến thức trong chương trình đào tạo	Khối kiến thức đại cương	x			
	Khối kiến thức cơ sở ngành		x		
	Khối kiến thức chuyên ngành			x	
	Thực tập tốt nghiệp				x
	Khóa luận tốt nghiệp/ Học phần thay thế				x

Hoạt động ngoại khóa	Nghiên cứu khoa học		x	x	
	Thực hành bộ môn		x	x	x
	Thực tế bộ môn		x	x	x
	Các hoạt động khác - Hoạt động Văn nghệ, Thể dục, Thể thao - Hiến máu tình nguyện - Mùa hè xanh - Thi nghiệp vụ - Hoạt động của các Câu lạc bộ cho sinh viên		x	x	x
Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	PLO1	x	x		
	PLO2	x	x		
	PLO3	x	x		
	PLO4	x	x		
	PLO5		x	x	
	PLO6		x	x	
	PLO7		x	x	
	PLO8		x	x	
	PLO9		x	x	
	PLO10				x

7. Nội dung chương trình

Bảng 7.1 : Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			Tự học (nếu có)	Điều kiện tiên quyết (số thứ tự HP)
				LT	BT/TL	TH/TT		
7.1	Kiến thức giáo dục đại cương		30	370	60	40	0	
7.1.1	Lý luận Chính trị		11	165	0	0	0	
1	LC111013	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	0	0	
2	LC112112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0	0	0	1
3	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	2
4	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	3
5	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	4
7.1.2	Khoa học xã hội – nhân văn		8	100	20	0	0	
6	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
7	XH120122	Nhập môn Xã hội học	2	25	5	0	0	
8	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	0	
9	XH146512	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
7.1.3	Ngoại ngữ		8	80	40	0	0	
10	NG116303	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
11	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	10
12	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	11
7.1.4	Khoa học Tự nhiên-Công nghệ		3	25	0	40	0	
13	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
7.1.5	Giáo dục thể chất		4	0	0	120	0	
14	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
15	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
16	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
17	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	30	0	

7.1.6	Giáo dục quốc phòng – an ninh							
18	TC160018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
7.2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		95	895	325	435	0	
7.2.1	Kiến thức cơ sở ngành		22	270	60	0	0	
	- Bắt buộc:		14	170	40	0	0	
19	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	25	5	0	0	
20	XH122242	Lịch sử Việt Nam	2	25	5	0	0	
21	XH122382	Nhân danh và địa danh Việt Nam	2	25	5	0	0	
22	XH120142	Đại cương các dân tộc Việt Nam	2	25	5	0	0	
23	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	0	0	
24	XH112002	Văn học dân gian	2	25	5	0	0	
25	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	
	- Tự chọn: chọn 8/12 tín chỉ		8	100	20	0	0	
26	XH112132	Ngữ văn địa phương	2	25	5	0	0	
27	XH122662	Lịch sử địa phương	2	25	5	0	0	
28	XH142312	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội	2	25	5	0	0	
29	NT120932	Lược sử mỹ thuật Việt Nam	2	25	5	0	0	
30	NT110932	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	25	5	0	0	
31	XH120242	Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại	2	25	5	0	0	
7.2.2	Kiến thức ngành		30	310	140	0	0	
	- Bắt buộc:		22	220	110	0	0	
32	KT120372	Kinh tế du lịch	2	20	10	0	0	
33	KT120352	Marketing du lịch	2	20	10	0	0	
34	KT120332	Tiền tệ và thanh toán quốc tế	2	20	10	0	0	
35	XH142232	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	2	20	10	0	0	
36	XH147002	Tổng quan du lịch	2	20	10	0	0	
37	XH120662	Địa lý du lịch	2	20	10	0	0	
38	XH148002	Loại hình và sản phẩm du lịch	2	20	10	0	0	
39	XH147112	Tuyến điểm du lịch	2	20	10	0	0	
40	XH147012	Quy hoạch du lịch	2	20	10	0	0	
41	XH147542	Du lịch và môi trường	2	20	10	0	0	
42	XH147592	Tâm lý du khách	2	20	10	0	0	
	- Tự chọn: chọn 8/12 tín chỉ		8	90	30	0	0	
43	XH147092	Du lịch thế giới	2	20	10	0	0	
44	XH147072	Du lịch Việt Nam	2	20	10	0	0	
45	XH147082	Du lịch cộng đồng	2	25	5	0	0	
46	XH115202	Nhiếp ảnh	2	25	5	0	0	
47	XH115122	Kỹ thuật quay video	2	25	5	0	0	
48	NT110702	Khiêu vũ giao tiếp	2	0	0	60	0	
7.2.3	Kiến thức nghiệp vụ ngành		29	240	105	120 + 90 giờ	0	
	- Bắt buộc:		21	150	75	120	0	
49	XH147682	Thực hành nghiệp vụ lữ hành- hướng dẫn du lịch	2	0	0	60	0	
50	XH141052	Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch	2	20	10	0	0	
51	XH145142	Nghiệp vụ lữ hành	2	20	10	0	0	
52	XH145152	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	20	10	0	0	
53	XH147662	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng- khách sạn	2	0	0	60	0	

HP 12	R		R		R		R	R		R	
HP 13	I				R				R		R
HP 14	R						R	R	R	M	R
HP 15	R	I	R	I	R	R	R	M	I	M	I
HP 16	M	R					R			I	R
HP 17	M			I				I		I	I
HP 18	M	R		R	R	I		R	I	M	M
HP 19	R	R	I	R	R	I	R	I	I	I	I
HP 20	R	R	I	I	R	R	R	R	R	R	R
HP 21	R	R	R					R	R	R	R
HP 22	R	R		R	R	I		I	R	R	R
HP 23	I	R				R	R	I	I	I	I
HP 24	R	R	I	I	R	R	R	R	R	R	R
HP 25	I	R				I		R	I	I	
HP 26	I	R				I		I	I	I	
HP 27	R	I				R		R	R	R	R
HP 28	R	R	I	I	R	I	R	R	R	I	R
HP 29	R	R	I	I	R	I	I	R	R	R	R
HP 30	R	I	I	I	R	R	R	R	R	R	I
HP 31	R	R	I	I	R	R	R	R	R	R	R
HP 32	R	R	R					R	R	R	R
HP 33	R	R		R	R	I		I	R	R	R
HP 34	I	R				R	R	I	I	I	
HP 35	I	R				I	I	I	I	I	I
HP 36	I	R				R		I	I	I	I
HP 37	R	I	R	I	R	R		R	R	I	R
HP 38		R	R			R		R	R	R	R
HP 39	R	R	I	R	R	R	R	I	M	R	R
HP 40	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 41	R	R	R			R		R	R	R	R
HP 42	R	R	R			R		R	R	R	R
HP 43	R	R	R	R	R			R	R	R	R
HP 44		R	R	I	R	R	I	R	I	R	R
HP 45		R	R	I			R	R	R	R	R
HP 46		R	R	R	R	I	R	I	R	I	R
HP 47		R	R					R	R	R	R
HP 48		I	R					R	R	R	R
HP 49	R	R	I	R	I	R	R	I	I	R	I
HP 50	R	R	I	R	I	R	R	R	I	I	I
HP 51	R	R	I	R	R	I	R	R	I	R	R
HP 52	R	R	R				M	R	R	R	R
HP 53	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 54	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 55	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 56	I	I	I		I	I	I	I	I	I	I
HP 57	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 58		I	R			I		R	R	R	R
HP 59	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I

HP 60	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 61		R	R			I		R	R	R	R
HP 62		I	R			I		R		R	
HP 63			R							I	I
HP 64	R	R	R	R	R	R		R	I	R	R
HP 65	R	I			R			R	R	R	R
HP 66	R	R	R	I	R	R		R	R	R	R
HP 67	R	R	I	R	R	R	R	I	I	I	I
HP 68	R	I			R			R	R	R	R

8. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

8.1. Học kỳ I : 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	LC111013	Triết học Mác – Lênin	3	45	0	0	0	
2	NG116303	Tiếng Anh 1 (B1.1)	3	30	15	0	0	
3	XH120052	Lịch sử văn minh thế giới	2	25	5	0	0	
4	XH122242	Lịch sử Việt Nam	2	25	5	0	0	
5	XH120142	Đại cương các dân tộc Việt Nam	2	25	5	0	0	
6	XH140012	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	0	0	
7	XH147002	Tổng quan du lịch	2	20	10	0	0	
8	TC120011	Giáo dục Thể chất 1 (Thể dục)	1	0	0	30	0	
Tổng cộng			16	195	45	0	0	

8.2. Học kỳ II: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	130	30	40	0	
1	LC112112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	30	0	0	0	
2	NG116313	Tiếng Anh 2 (B1.2)	3	30	15	0	0	
3	KC100013	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
4	XH112002	Văn học dân gian	2	25	5	0	0	
5	XH120662	Địa lý du lịch	2	20	10	0	0	
6	TC121011	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh)	1	0	0	30	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
7	XH112132	Ngữ văn địa phương	2	25	5	0	0	Chọn 4/6 TC
8	XH122662	Lịch sử địa phương	2	25	5	0	0	
9	XH142312	Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			16	180	40	40	0	

8.3. Học kỳ III: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	125	25	90 giờ	0	
1	LC113112	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	0	0	
2	NG116322	Tiếng Anh 3 (B1.3)	2	20	10	0	0	
3	LC130012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
4	XH148002	Loại hình và sản phẩm du lịch	2	20	10	0	0	
5	XH120122	Nhập môn Xã hội học	2	25	5	0	0	
6	XH147892	Thực tế bộ môn	2	0	0	90 giờ	0	
7	TC122001	Giáo dục Thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)	1	0	0	30	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
8	NT120932	Lược sử mỹ thuật Việt Nam	2	25	5	0	0	Chọn 4/6 TC
9	NT110932	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	2	25	5	0	0	
10	XH120242	Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			16	175	35	90 giờ	0	

8.4. Học kỳ IV: 15 TC (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			11	120	45	0	0	
1	LC124112	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	0	0	0	
2	NG116213	Tiếng Anh Chuyên ngành Văn hóa-Du lịch	3	30	15	0	0	
3	KT120612	Khởi nghiệp	2	15	15	0	0	
4	XH122382	Nhân danh và địa danh Việt Nam	2	25	5	0	0	
5	XH147112	Tuyên diêm du lịch	2	20	10	0	0	
6	TC123001	Giáo dục Thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)	1	0	0	0	0	
7	TC160018	Giáo dục quốc phòng - an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
- Tự chọn:			4	40	20	0	0	
8	XH147092	Du lịch thế giới	2	20	10	0	0	Chọn 4/6 TC
9	XH147072	Du lịch Việt Nam	2	20	10	0	0	
10	XH147082	Du lịch cộng đồng	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			15	160	65	0	0	

8.5. Học kỳ V: 15 TC (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			11	130	35	0	0	
1	XH146512	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	0	0	0	
2	LC120012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
3	XH145152	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	20	10	0	0	
4	XH145142	Nghiệp vụ lễ hành	2	20	10	0	0	
5	XH147543	Nghiệp vụ nhà hàng- khách sạn	3	30	15	0	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
6	XH115202	Nhiếp ảnh	2	25	5	0	0	Chọn 4/6 TC
7	XH115122	Kỹ thuật quay video	2	25	5	0	0	
8	NT110702	Khiêu vũ giao tiếp	2	0	0	60	0	
Tổng cộng			15	180	45	0	0	

8.6. Học kỳ VI: 16 TC (bắt buộc: 12 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			12	80	40	120	0	
1	TL111192	Tâm lý du khách	2	20	10	0	0	
2	KT120372	Kinh tế du lịch	2	20	10	0	0	
3	KT120332	Tiền tệ và thanh toán quốc tế	2	20	10	0	0	
4	XH147542	Du lịch và môi trường	2	20	10	0	0	
5	XH147682	Thực hành nghiệp vụ lễ hành- hướng dẫn du lịch	2	0	0	60	0	
6	XH147662	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng- khách sạn	2	0	0	60	0	
- Tự chọn:			4	50	10	0	0	
7	XH147062	Văn hóa ẩm thực	2	25	5	0	0	Chọn 4/6 TC
8	XH146112	Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa	2	25	5	0	0	
9	XH146122	Quản lý nhà nước về du lịch	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			16	130	50	120	0	

8.7. Học kỳ VII: 15 TC (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
- Bắt buộc:			11	110	55	0	0	
1	KT120352	Marketing du lịch	2	20	10	0	0	
2	XH142232	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch	2	20	10	0	0	
3	XH113032	Tiếng Việt thực hành	2	20	10	0	0	

4	XH141052	Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch	2	20	10	0	0	
5	XH147593	Quản trị nhà hàng- khách sạn	3	30	15	0	0	
- Tự chọn:			4	40	20	0	0	
6	XH148002	Kỹ năng thuyết trình trong du lịch	2	20	10	0	0	Chọn 4/6 TC
7	XH140062	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch	2	20	10	0	0	
8	XH141042	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể	2	20	10	0	0	
Tổng cộng			15	150	75	0	0	

8.8. Học kỳ VIII: 16 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/TL	TH/TT	Tự học (nếu có)	
1	XH147012	Quy hoạch du lịch	2	20	10	0	0	
2	DT100017	Thực tập tốt nghiệp	7	0	0	315 giờ	0	
3	Khóa luận tốt nghiệp/học phần thay thế		7					
3.1	Khóa luận tốt nghiệp		7					
3.2	Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp		7	85	20	0	0	
3a	XH146083	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	3	35	10	0	0	
3b	XH113592	Di sản văn hóa Hán Nôm	2	25	5	0	0	
3c	XH147142	Phát triển du lịch bền vững	2	25	5	0	0	
Tổng cộng			16	105	30	315 giờ	0	

9. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

9.1. Triết học Mác-Lênin

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Khái quát về triết học, Triết học Mác-Lênin và vai trò của Triết học Mác-Lênin trong đời sống xã hội.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật, lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử: hình thái kinh tế xã hội, giai cấp và dân tộc, nhà nước và cách mạng xã hội, triết học về con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Triết học Mác-Lênin.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác-Lênin, có quan hệ mật thiết với Triết học Mác-Lênin và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin là môn khoa học cơ bản, làm cơ sở cho việc xác định đường lối, chính sách kinh tế của nhà nước; làm cơ sở cho việc nghiên cứu các môn khoa học kinh tế ngành và quản lý kinh tế.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin cung cấp hệ thống tri thức lý luận về: Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế chính trị Mác-Lênin.

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học (một trong ba bộ phận cấu thành Chủ nghĩa Mác-Lênin): quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Cơ cấu xã hội-giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần Lý luận chính trị tiếp theo (Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh) và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018).

Góp phần khẳng định những thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh và các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh; Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Về Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam; Về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Về văn hóa, đạo đức, con người.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.6. Tin học đại cương

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các nội dung:

Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính, mạng máy tính; các ứng dụng của CNTT và truyền thông; vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.

Cách sử dụng máy tính cơ bản: hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.

Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.

Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày các báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng phép toán và các hàm xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.7. Pháp luật đại cương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về lý luận nhà nước và pháp luật; Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: Tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; Về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần trang bị cho sinh viên thế giới quan, phương pháp luận khoa học để sinh viên học tập và tự học các học phần thuộc ngành, chuyên ngành trong chương trình đào tạo.

9.8. Nhập môn Xã hội học

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm hệ thống lý thuyết cơ bản về xã hội học như: các vấn đề cơ bản của xã hội học, làm rõ một số chuyên ngành xã hội học, phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học; nghiên cứu con người trong các mối quan hệ giữa con người với con người, con người với môi trường tự nhiên và xã hội. Xác định các đối tượng xã hội học và các nghiên cứu về xã hội học Chuyên biệt.

9.9. Khởi nghiệp

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Môn học cung cấp những kiến thức nhằm giúp người học biết cách chuẩn bị những điều kiện cần và đủ để tạo lập và điều hành thành công một doanh nghiệp mới. Môn học cũng đồng thời trang bị những kỹ năng để người học có thể xây dựng được một kế hoạch hành động cho ý tưởng kinh doanh, thực thi kế hoạch và điều chỉnh cho phù hợp với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Ngoài ra môn học còn nhằm nâng cao nhận thức về trách nhiệm của một doanh nhân đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đối với khách hàng mà doanh nghiệp phục vụ và với cả cộng đồng dân cư thuộc địa bàn hoạt động của doanh nghiệp.

9.10. Phương pháp nghiên cứu khoa học

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học, về bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của một công trình khoa học; thao tác nghiên cứu khoa học, xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa

học; phương pháp trình bày một báo cáo khoa học; viết được một công trình khoa học và biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập ở đại học.

9.11. Tiếng Anh 1 (B1.1)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ trung cấp bậc 3 (B1.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.12. Tiếng Anh 2 (B1.2)

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ trung cấp bậc 3 (B1.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam).

9.13. Tiếng Anh 3 (B1.3)

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ trung cấp bậc 3 (B1.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 3 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam). Cuối học phần này, sinh viên có thể tham dự các kỳ thi lấy chứng chỉ năng lực Tiếng Anh bậc 3.

9.14. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

9.15. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh)

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu uốn thân, một số điều luật thi đấu môn đẩy tạ và nhảy xa.

9.16. Giáo dục thể chất 3 (Thể thao tự chọn cơ bản)

1 TC

a. Cầu lông 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

b. Bóng chuyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

c. Bóng đá 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

d. Bóng bàn 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

e. Võ Cổ truyền 1

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

9.17. Giáo dục thể chất 4 (Thể thao tự chọn nâng cao)

1 TC

a. Cầu lông 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Cầu lông 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn cầu lông; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

b. Bóng chuyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng chuyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng chuyền; phổ biến luật thi đấu; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

c. Bóng đá 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng đá 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật bóng đá 7 người.

d. Bóng bàn 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Bóng bàn 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn bóng bàn; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật đánh đôi.

e. Võ Cổ truyền 2

1 TC

Điều kiện tiên quyết: Thẻ đục, Điền kinh, Võ Cổ truyền 1.

Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ, chiến thuật nâng cao của môn võ cổ truyền; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài; phổ biến luật.

9.18. Giáo dục quốc phòng – an ninh

8 TC

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường TCSP, CĐSP và cơ sở giáo dục đại học.

9.19. Lịch sử văn minh thế giới

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử văn minh thế giới, hỗ trợ cho các học phần thuộc chuyên ngành văn hóa du lịch trong chương trình đào tạo. Nội dung bao gồm những kiến thức về sự hình thành, phát triển và thành tựu của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh cổ - trung đại ở phương Đông và phương Tây, nền văn minh thế giới thời cận - hiện đại.

Cụ thể, nội dung của học phần làm rõ: trình độ phát triển kinh tế và phân hóa xã hội, sơ lược lịch sử thành lập và cấu trúc của nhà nước, những học thuyết chính trị, quan

điểm triết học và tôn giáo lớn cùng những thành tựu khoa học tự nhiên, kỹ thuật và văn học nghệ thuật; sự tiếp xúc giữa các nền văn minh trong lịch sử.

9.20. Lịch sử Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các kiến thức về tiến trình lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến nay, cụ thể: sự phát triển của dân tộc Việt Nam từ khởi thủy đến năm 1858, lịch sử dân tộc từ 1858 đến 1945 và lịch sử Việt Nam từ 1945 đến nay.

9.21. Nhân danh và địa danh Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức tổng quan về nhân danh và địa danh Việt Nam; lịch sử nghiên cứu nhân danh và địa danh học; phương pháp nghiên cứu nhân danh và địa danh Việt Nam; ý nghĩa của việc nghiên cứu nhân danh và địa danh Việt Nam phục vụ công tác du lịch.

9.22. Đại cương các dân tộc Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những thông tin về bản đồ phân vùng các tộc người ở Việt Nam; đặc trưng văn hóa và lịch sử của từng dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam; những thay đổi của cộng đồng các dân tộc hiện nay; vai trò của các dân tộc trong lịch sử và văn hóa dân tộc.

9.23. Cơ sở văn hóa Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức về các khái niệm văn hóa, văn minh, văn hiến, văn vật; cấu trúc văn hóa, tọa độ văn hóa Việt Nam; các thành tố của văn hóa Việt Nam: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức cộng đồng, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

Học phần giới thiệu các vùng văn hóa Việt Nam: diện mạo, đặc điểm, vai trò, vị trí của các vùng văn hóa Tây Bắc, Việt Bắc, Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ trong tiến trình lịch sử văn hóa dân tộc; những hiện tượng văn hóa vật chất và tinh thần đặc trưng.

9.24. Văn học dân gian

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giúp người học hiểu, cảm nhận và phân tích được các tác phẩm văn học dân gian; nắm được các giá trị của văn học dân gian và vai trò của văn học dân gian trong đời sống tinh thần của dân tộc; nâng cao năng lực và nhu cầu lĩnh hội, thưởng thức văn học dân gian cũng như những đặc trưng văn hóa dân tộc.

9.25. Tiếng Việt thực hành

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức về tiếng Việt và rèn luyện, phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên bao gồm: rèn luyện kỹ năng tiếp nhận và tạo lập văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản và quy trình viết một bài thuyết minh để hướng dẫn du lịch; rèn kỹ năng đặt câu, dùng từ, chính tả.

9.26. Ngữ văn địa phương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những kiến thức khái quát và chuyên sâu về tiếng Việt và văn học địa phương cùng với những đặc trưng tiêu biểu của nó; làm rõ tính phương ngữ, các âm tiết, ngữ nghĩa đặc thù của địa phương.

9.27. Lịch sử địa phương

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những kiến thức khái quát về lịch sử Phú Yên - Nam Trung Bộ và Tây Nguyên qua các thời kỳ, tập trung vào một số vấn đề: sự hình thành vùng đất, lịch sử đấu tranh chống giặc ngoại xâm, các di tích lịch sử - văn hóa địa phương.

9.28. Tín ngưỡng, tôn giáo và lễ hội

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về tôn giáo và các tôn giáo; những loại/dạng tín ngưỡng dân gian của Việt Nam: tín ngưỡng phồn thực, tín ngưỡng sùng bái tự nhiên, tín ngưỡng sùng bái con người; bản sắc văn hóa dân tộc biểu hiện qua tín ngưỡng; vai trò của tín ngưỡng trong xã hội hiện đại; những vấn đề cơ bản về lễ hội và lễ hội Việt Nam.

9.29. Lược sử mỹ thuật Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu một số công trình kiến trúc, tác phẩm hội họa, điêu khắc của Việt Nam thời phong kiến, thời cận và hiện đại; nguồn gốc xuất xứ và vẻ đẹp của những dòng tranh dân gian Việt Nam như Đông Hồ (Bắc Ninh), Hàng Trống (Hà Nội), Kim Hoàng (Hà Tây), Làng Sinh (Huế).

9.30. Âm nhạc truyền thống Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu kiến thức tổng quát và sơ giản về hệ thống nhạc khí và những thể loại nhạc, đặc điểm cơ bản của các vùng âm nhạc; một số thể loại đồng dao, ru, hò, lý tiêu biểu; làm quen với một số nhạc cụ đơn giản và phổ biến trong kho tàng nhạc khí của Việt Nam như sáo, đàn bầu...

9.31. Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm kiến thức cơ bản về sự hình thành làng xã Việt Nam trong xã hội truyền thống; tính cộng đồng và tự trị của làng xã Việt Nam; tính bền vững/cố kết cộng đồng trong làng xã Bắc Bộ; tính "mở" của làng xã Nam Bộ; thuận lợi và khó khăn của văn hóa làng xã đối với sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Cung cấp cho người học kiến thức về sự thay đổi của làng xã trong bối cảnh hiện đại, quá trình thay đổi xã hội với xây dựng nông thôn mới hiện nay và vận dụng vào việc phát triển du lịch làng nghề.

9.32. Kinh tế du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm các kiến thức liên quan đến vấn đề kinh tế trong du lịch, giúp người học có kiến thức và kỹ năng giải thích được quan hệ cung cầu; tác động, xu hướng trong du lịch, từ đó có khả năng vận dụng trong phát triển kinh tế du lịch địa phương hoặc doanh nghiệp.

9.33. Marketing du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các khái niệm marketing căn bản, hình thành kỹ năng quản trị marketing, nghiên cứu marketing, lập kế hoạch marketing, thực hiện các hoạt động marketing tại các điểm du lịch, khu du lịch, đô thị du lịch và doanh nghiệp du lịch.

9.34. Tiền tệ và thanh toán quốc tế

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những nội dung về tiền tệ, tín dụng trong nền kinh tế thị trường, lãi suất tín dụng và việc thanh toán trong nền kinh tế thị trường, tỷ giá hối đoái, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối và thanh toán quốc tế, các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

9.35. Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hệ thống các thủ tục liên quan đến việc xuất cảnh, nhập cảnh dành cho khách du lịch; các quy tắc về bảo hiểm du lịch nhằm phục vụ cho nghề nghiệp của người học.

9.36. Tổng quan du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch; khái quát quá trình hình thành và phát triển du lịch; nhu cầu, động cơ và các điều kiện phát triển du lịch; các loại hình và sản phẩm du lịch; tính thời vụ trong du lịch; công nghiệp du lịch và các yếu tố cấu thành; lao động trong du lịch; tác động của du lịch đến các lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường.

9.37. Địa lý du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần khái quát cơ sở lý luận và thực tiễn về địa lý du lịch: nhập môn địa lý du lịch, nhu cầu du lịch, tổ chức không gian du lịch, chiến lược phát triển du lịch Việt Nam nói chung và các vùng du lịch nói riêng.

9.38. Loại hình và sản phẩm du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần khái quát các loại hình du lịch chủ yếu ở Việt Nam đó là du lịch biển đảo, du lịch văn hóa, du lịch sinh thái và du lịch đô thị; tập trung vào những sản phẩm du lịch tiêu biểu gắn với các loại hình du lịch nói trên.

9.39. Tuyến điểm du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về điểm, tuyến du lịch của Việt Nam; đề cập đến các điểm du lịch đặc trưng, điều kiện cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trên những tuyến chính xuất phát từ trung tâm du lịch Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh; giúp sinh viên nắm được kiến thức tổng quan về các điểm du lịch và tuyến du lịch đặc trưng từ đó vận dụng vào các môn học kế tiếp của ngành học; đồng thời sinh viên có thể xây dựng một số tuyến du lịch chuyên đề và thuyết minh tuyến điểm.

9.40. Quy hoạch du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp luận quy hoạch du lịch, hệ thống quan điểm và nguyên tắc quy hoạch du lịch, quy trình quy hoạch du lịch, đánh giá tác động phát triển du lịch đến môi trường tự nhiên và văn hóa, hướng dẫn thiết lập sơ đồ quy hoạch điểm du lịch và vùng du lịch, thực trạng công tác quy hoạch du lịch Việt Nam.

9.41. Du lịch và môi trường

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về khoa học môi trường; về nguyên lý sinh thái ứng dụng trong khoa học môi trường; về tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường; các tác động của du lịch lên môi trường; vai trò và ảnh hưởng của môi trường đến các hoạt động du lịch; một số giải pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.

9.42. Tâm lý du khách

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về tâm lý giao tiếp trong du lịch; giúp sinh viên vận dụng các phương pháp tâm lý và tâm lý xã hội để tìm hiểu tâm lý du khách; có kỹ năng giao tiếp và ứng xử với du khách; kỹ năng nhận biết và giải thích một số hành vi trong ứng xử với du khách.

9.43. Du lịch thế giới

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm những kiến thức khái quát về điều kiện, lịch sử phát triển du lịch thế giới; thực trạng phát triển thị trường du lịch thế giới với các biến động không ngừng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; xu thế phát triển du lịch thế giới trong thời đại mới.

9.44. Du lịch Việt Nam

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về vai trò, tiềm năng, tình hình phát triển và định hướng phát triển của ngành du lịch nước ta; phân tích và đánh giá lợi thế và hạn chế về nguồn lực phát triển du lịch Việt Nam; tình hình phát triển của ngành du lịch; định hướng, giải pháp chính nhằm phát triển ngành du lịch Việt Nam hiệu quả, bền vững.

9.45. Du lịch Cộng đồng

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về du lịch cộng đồng, các lợi ích phát triển du lịch cộng đồng, tác động du lịch đến cộng đồng và tác động từ cộng đồng đến du lịch, các hình thức phát triển du lịch cộng đồng, mô hình phát triển du lịch cộng đồng tiêu biểu, ứng dụng phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương.

9.46. Nhiếp ảnh

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo máy ảnh, cách sử dụng máy ảnh; kỹ thuật chụp ảnh căn bản, kỹ thuật chụp ảnh trong phòng, ngoài trời, kỹ thuật chụp ảnh cho mục đích công việc khác nhau như: lấy tư liệu, phục vụ cho việc nghiên cứu...; các kỹ thuật căn bản về tráng phim, xử lý phim.

9.47. Kỹ thuật quay video

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức căn bản có liên quan để sử dụng máy quay camera như sơ đồ hình và chức năng hoạt động của một số camera thông thường; kỹ thuật vận hành máy video; kỹ thuật sử dụng ống kính máy quay; kỹ thuật chọn góc độ thu hình...; giúp sinh viên có thể sử dụng máy camera để phục vụ công việc thực hành, nghiên cứu, quảng bá du lịch...

9.48. Khiêu vũ giao tiếp

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu kiến thức cơ bản về khiêu vũ cổ điển, các loại hình khiêu vũ nghệ thuật; phối hợp những động tác và bước đi theo điệu nhạc một cách nhịp nhàng và uyển chuyển; giúp người học rèn luyện cơ thể dẻo dai, khỏe mạnh và có kỹ năng giao lưu nghệ thuật khiêu vũ trong những hoạt động văn hóa văn nghệ; thực hành luyện tập một số điệu nhảy phổ thông: rumba, cha cha cha, basodoble, tango, samba, bebo và slow waltz.

9.49. Thực hành nghiệp vụ khách sạn- nhà hàng

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần thực hành các nghiệp vụ nhà hàng- khách sạn như: Nghiệp vụ lễ tân khách sạn, nghiệp vụ buồng phòng khách sạn và nghiệp vụ phục vụ ăn uống tại cơ sở nhà hàng- khách sạn.

Sinh viên thực hành các công việc của một nhân viên khách sạn tại những khách sạn uy tín ở địa phương dưới sự hướng dẫn của nhân viên khách sạn và giảng viên bộ môn.

9.50. Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa - du lịch **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức, kỹ năng thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch; giúp sinh viên hiểu và phát triển năng lực thiết kế, tổ chức các sự kiện văn hóa du lịch hướng đến hình thành nhà tổ chức sự kiện chuyên nghiệp trên lĩnh vực văn hóa du lịch với tính sáng tạo, chuyên nghiệp được phát huy tối đa.

9.51. Nghiệp vụ lữ hành **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị những kiến thức về khái niệm và vai trò của lữ hành, sản phẩm của kinh doanh lữ hành, thị trường khách của hãng lữ hành; xem xét mối quan hệ giữa các nhà cung cấp với doanh nghiệp lữ hành, cách thức đàm phán với đơn vị kinh doanh liên quan; các nguyên tắc xây dựng mô hình tổ chức cho hãng lữ hành; tổ chức xúc tiến hỗn hợp các chương trình du lịch.

Sinh viên thực hành nghiệp vụ lữ hành tại doanh nghiệp lữ hành uy tín ở địa phương để nắm bắt các hoạt động quản lý và điều hành du lịch dưới sự hướng dẫn của doanh nghiệp lữ hành và giảng viên bộ môn.

9.52. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần giới thiệu tổng quan về nghề hướng dẫn du lịch, hướng dẫn viên du lịch, hoạt động hướng dẫn du lịch tại điểm; quy trình hướng dẫn tour; chuẩn bị và hoàn thiện bài giới thiệu cho khách du lịch; kỹ năng và phương pháp thuyết trình; tổ chức loại hình du lịch chuyên đề và trải nghiệm; xử lý các vấn đề và tình huống trong tour; áp dụng các nguyên tắc du lịch có trách nhiệm.

Sinh viên thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch trên các tuyến du lịch và tại các điểm du lịch ở địa phương để nắm vững những hoạt động tổ chức và thực hiện du lịch dưới sự hướng dẫn của giảng viên bộ môn.

9.53. Thực hành nghiệp vụ lữ hành- hướng dẫn du lịch **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần thực hành các nghiệp vụ lữ hành như: xây dựng các chương trình du lịch trọn gói, quảng cáo và bán các chương trình du lịch trọn gói, xây dựng hồ sơ đoàn, bàn giao hồ sơ đoàn, tổ chức thực hiện các chương trình du lịch trọn gói; Các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: Tiếp nhận hồ sơ đoàn, kiểm tra dịch vụ, đón khách tại điểm hẹn, tổ chức tham quan trên phương tiện vận chuyển và tại các khu điểm du lịch, tiễn khách, tổng kết và quyết toán hồ sơ đoàn.

Sinh viên thực hành tại một doanh nghiệp lữ hành uy tín ở địa phương dưới sự hướng dẫn của nhân viên doanh nghiệp và giảng viên bộ môn.

9.54. Nghiệp vụ khách sạn- nhà hàng **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về các nghiệp vụ như nghiệp vụ lễ tân khách sạn, nghiệp vụ phục vụ buồng phòng, nghiệp vụ phục vụ ăn uống và một số nghiệp vụ khác liên quan trong lĩnh vực khách sạn nhà hàng.

9.55. Quản trị khách sạn- nhà hàng **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quản lý khách sạn- nhà hàng bao gồm quản lý bộ phận lễ tân khách sạn, quản lý bộ phận buồng phòng khách sạn,

quản lý bộ phận kinh doanh khách sạn- nhà hàng, quản lý bộ phận phục vụ ăn uống tại cơ sở nhà hàng và các bộ phận khác có liên quan.

9.56. Tiếng Anh du lịch

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm thuật ngữ và các bài đọc, bài dịch tiếng Anh du lịch. Kết thúc học phần, sinh viên tích lũy được vốn từ vựng tiếng Anh ở các lĩnh vực lễ hành - hướng dẫn du lịch và nhà hàng - khách sạn để có thể hiểu và đọc, dịch các văn bản, tài liệu chuyên ngành đồng thời giao tiếp tự tin với du khách.

9.57. Thực tế bộ môn

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Tham quan, trải nghiệm thực tế và nắm bắt thực tiễn hoạt động văn hóa - du lịch tại một số tỉnh, thành vùng du lịch Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; qua đó phân tích, đánh giá và so sánh tình hình phát triển văn hóa - du lịch các địa phương; đồng thời thể hiện trách nhiệm của bản thân trong việc bảo tồn và phát huy giá trị các tài nguyên du lịch quốc gia.

9.58. Văn hóa ẩm thực

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị tri thức về khái niệm ẩm thực, văn hóa ẩm thực; đặc điểm ẩm thực Việt Nam/sự khác biệt văn hóa ẩm thực Việt Nam so với văn hóa ẩm thực thế giới; vai trò của văn hóa ẩm thực trong nền văn hóa dân tộc; văn hóa ẩm thực 3 miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam; vấn đề ẩm thực trong ngành du lịch.

9.59. Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về quản lý và phát triển văn hóa trong thời kỳ đổi mới; đồng thời giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về văn hóa, di sản văn hóa và thực trạng công tác quản lý văn hóa trên địa bàn Phú Yên; từ đó giúp sinh viên vận dụng có hiệu quả trong hoạt động văn hóa và quản lý văn hóa thực tiễn ở địa phương.

9.60. Quản lý nhà nước về du lịch

2TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về du lịch bao gồm các vấn đề: Cơ chế luật pháp quản lý nhà nước về du lịch; Sự phối hợp các cơ quan chức năng quản lý về du lịch; Và các vấn đề: Quản lý tài nguyên du lịch, quản lý môi trường du lịch, quản lý nguồn nhân lực du lịch, thu hút các dự án đầu tư về du lịch, quản lý các nhà đầu tư về du lịch và quản lý các vấn đề xã hội khác phát sinh từ hoạt động du lịch.

9.61. Kỹ năng thuyết trình trong du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này có các nội dung rèn luyện kỹ năng thuyết trình như kỹ năng phát âm, nói nhanh, nói chậm, chuẩn bị nội dung thuyết trình; cách lập luận, cách thể hiện, cách tạo sự quan tâm, thu hút du khách. Rèn luyện kỹ năng thuyết trình thông qua các chương trình và mục đích khác nhau như dẫn chương trình, thuyết minh du lịch, hướng dẫn du lịch...

9.62. Kỹ năng giao tiếp trong du lịch

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần bao gồm kiến thức về những hoạt động giao tiếp của con người: bản chất giao tiếp, các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả giao tiếp và phương pháp khắc phục;

đặc điểm tâm lý du khách trong giao tiếp và các phương pháp ứng xử; khái quát một số nghi thức và kỹ năng giao tiếp tiêu biểu.

9.63. Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp các kiến thức, kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể; giúp sinh viên hoàn thiện kỹ năng tổ chức các hoạt động tập thể trong một chương trình du lịch: cắm trại, lửa trại, sân khấu hóa, thể thao ngoài trời, hoạt náo...

9.64. Thực tập tốt nghiệp

7 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành các học phần chuyên ngành.

Thực tập tốt nghiệp tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức hoạt động văn hóa và du lịch; các doanh nghiệp kinh doanh du lịch lữ hành và nhà hàng - khách sạn.

Nội dung thực tập tốt nghiệp bao gồm:

Tìm hiểu, nghiên cứu di tích lịch sử - văn hóa và công tác bảo tồn tại những bảo tàng, cơ quan văn hóa;

Tìm hiểu hoạt động kinh doanh lữ hành và nhà hàng - khách sạn tại một số cơ sở kinh doanh du lịch;

Viết báo cáo thu hoạch kết quả đã tìm hiểu và nghiên cứu sau khi thực tập tốt nghiệp.

9.65. Khóa luận tốt nghiệp

7 TC

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các tín chỉ theo quy định.

Nội dung khóa luận tốt nghiệp bao gồm:

Công tác quản lý của các cơ quan du lịch;

Công tác quản lý của các doanh nghiệp du lịch;

Công tác quản lý, bảo tồn di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch;

Tổ chức các hoạt động văn hóa để phát triển du lịch;

Xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch, chiến lược và kế hoạch marketing du lịch của các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp du lịch.

9.66. Di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Việt Nam

3 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị những khái niệm cơ bản về di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng; hệ thống di tích, danh thắng tiêu biểu của Việt Nam; tiêu chí, giá trị, đặc điểm và vai trò của hệ thống di tích, danh thắng; những biểu tượng trong hệ thống di tích, danh thắng Việt Nam.

9.67. Di sản văn hóa Hán Nôm

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên các hiểu biết cơ bản về hệ thống di sản văn hóa Hán Nôm; bao gồm: sắc phong, bằng cấp, gia phả, văn bia, văn tế, bia... và kiến thức về chữ Hán để người học có thể đọc hiểu văn bản thuộc di sản văn hóa Hán Nôm.

9.68. Phát triển du lịch bền vững

2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp kiến thức khái quát về khái niệm du lịch bền vững, nguyên tắc phát triển du lịch bền vững; vai trò, trách nhiệm của những người làm kinh tế du lịch đối với môi trường và xã hội đảm bảo tính bền vững cả về kinh tế - xã hội - môi trường.

10. Danh sách giảng viên cơ hữu thực hiện chương trình

10.1. Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó Trưởng phòng Đào tạo	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Triết học	Triết học Mác-Lênin
2	Đào Văn Phượng, 1978, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế Chính trị	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
3	Nguyễn Thị Trang, 1974, Trưởng Bộ môn Nguyên lý Mác-Lênin	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Sử - Chính Trị	Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Võ Thị Minh Duyên, 1972, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Trần Văn Tàu, 1975, Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận chính trị	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Võ Thị Hồng Loan, 1975, Phó Trưởng khoa PT. Khoa KT-CN	GV	TS, Úc, 2015	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương
7	Nguyễn Thị Phượng, 1975, Trưởng Phòng Hành chính – Quản trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2010	Luật học	Pháp luật đại cương
8	Đinh Thị Như Quỳnh, 1987, Phó Trưởng khoa Kinh tế	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Quản trị kinh doanh	- Khởi nghiệp - Tiền tệ và thanh toán quốc tế
9	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa dân gian	- Phương pháp nghiên cứu khoa học - Cơ sở văn hóa Việt Nam
10	Hồng Ái Nga, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh không chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 1
11	Hồ Thị Việt Luận, 1970, Trưởng Bộ môn Tiếng Anh chuyên ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	PPGD Tiếng Anh	Tiếng Anh 2
12	Lê Thị Băng Tâm, 1973, Phó Trưởng khoa Ngoại ngữ	GVC, 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh 3
13	Võ Thị Kim Thoa, 1968, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Ngôn ngữ Anh	Tiếng Anh du lịch
14	Nguyễn Huy Vũ, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Giáo dục thể chất 1

15	Nguyễn Minh Cường, 1985, Phó Trưởng khoa PT. Khoa GDTC-GDQP	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Giáo dục thể chất 2
16	Lê Đức Hiếu, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Giáo dục học (Giáo dục Thể chất)	Giáo dục thể chất 3
17	Nguyễn Quốc Trâm, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Khoa học giáo dục (Giáo dục thể chất)	Giáo dục thể chất 4
18	Trường Sĩ quan thông tin				Giáo dục quốc phòng - an ninh
19	Đỗ Thị Minh Trang, 1987, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Lịch sử thế giới	Lịch sử văn minh thế giới
20	Đào Nhật Kim, 1970, Trưởng phòng QLKH-HTQT	GV	TS, Việt Nam, 2010	Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử Việt Nam - Lịch sử địa phương
21	Nguyễn Văn Thương, 1971, Trưởng khoa KHXH-NV	PGS, 2018	TS, Việt Nam, 2008	Lịch sử Việt Nam	- Nhân danh và địa danh Việt Nam - Di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng Việt Nam
22	Nguyễn Huy Phương, 1976, Trưởng phòng CT-HSSV	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử thế giới	Đại cương các dân tộc Việt Nam
23	Nguyễn Thị Ái Thoa, 1981, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	Văn học Việt Nam	Văn học dân gian Việt Nam
24	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, Phó Trưởng khoa KHXH-NV	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2007	Ngôn ngữ học so sánh đối chiếu	- Tiếng Việt thực hành - Di sản văn hóa Hán Nôm
25	Phan Ánh Nguyễn, 1988, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Văn học Việt Nam	Ngữ văn địa phương
26	Nguyễn Thị Ngạn, 1980, Trưởng Bộ môn TN-XH Khoa GDTH-MN	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Địa lý tự nhiên	- Địa lý du lịch
27	Nguyễn Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	Lược sử mỹ thuật Việt Nam
28	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	PPDH Âm nhạc	Âm nhạc truyền thống Việt Nam
29	Võ Thị Tâm, 1985, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Quản trị kinh doanh	- Kinh tế du lịch - Marketing du lịch
30	Lê Văn Đáng, 1980, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	Du lịch	- Nghiệp vụ hướng dẫn - Nghiệp vụ lữ hành
31	Mai Đình Lưu, 1961, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 2000	Địa lí kinh tế xã hội	- Quy hoạch du lịch

32	Đoàn Thị Mỹ Dung, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Địa lý, tài nguyên và môi trường	- Du lịch và môi trường - Phát triển du lịch bền vững
33	Tôn Nữ Cẩm Hương, 1989, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	Tâm lý du khách
34	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	GD&PT cộng đồng	Khiêu vũ giao tiếp
35	Võ Nguyễn Bích Duyên, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	Văn học thế giới	Kĩ năng thuyết trình trong du lịch

10.2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm
1	Võ Minh Hải, 1980, Đại học Sư phạm Quy Nhơn	GV	TS, Việt Nam, 2015	Ngữ văn	- Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại - Văn hóa ẩm thực
2	Trần Thị Thúy Hằng, 1981, Trưởng khoa Kinh tế - Du lịch, Cao đẳng Nghề Phú Yên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch
3	Lâm Thị Thúy Phương, 1979, Đại học Văn Lang TPHCM	GV	Ths, Việt Nam, 2011	Du lịch học	- Loại hình và sản phẩm du lịch - Tuyển điểm du lịch
4	Lê Hồng Vương, 1985, Trưởng Bộ môn Lữ hành Quốc tế, Đại học Duy Tân Đà Nẵng	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Quản trị kinh doanh	- Du lịch thế giới - Du lịch Việt Nam
5	Dương Thanh Xuân, 1959, Hội viên Hội nhiếp ảnh Việt Nam		Cử nhân, Việt Nam, 1983	Nhiếp ảnh	Nhiếp ảnh
6	Nguyễn Minh Trí, 1976, Đài Truyền hình Phú Yên		Cử nhân, Việt Nam, 1998	Đạo diễn	Kỹ thuật quay video
7	Lê Minh Toàn, 1989, Đại học Thái Bình Dương	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Du lịch học	- Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch - Tuyển điểm du lịch
8	Đoàn Thị Như Hoa, 1980, Trường Đại học Thái Bình Dương	GV	Ths, Việt Nam, 2017	Địa lý	- Địa lý du lịch - Tổng quan du lịch
9	Thiều Thị Thúy, 1984, Trường Cao đẳng Công thương Miền Trung	GV	Ths, Việt Nam, 2015	Du lịch học	- Nghiệp vụ nhà hàng - Nghiệp vụ khách sạn
10	Nguyễn Hoài Sơn, 1965, Phó giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Phú Yên		Ths, Việt Nam, 1995	Văn hóa học	Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa

11	Nguyễn Thị Bích Đào, 1980, Phó giám đốc Bảo tàng tỉnh Phú Yên		Ths, Việt Nam, 2007	Văn hóa học	Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch
12	Chu Khánh Linh, 1983, Đại học Văn hóa TP HCM	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Du lịch học	- Kỹ năng giao tiếp trong du lịch - Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Cơ sở vật chất hiện nay của Trường Đại học Phú Yên đủ điều kiện để phục vụ mục đích đào tạo cho sinh viên ngành Việt Nam học. Riêng phần thực hành, thực tế và thực tập thì nhà trường hợp đồng với các đơn vị đào tạo, đơn vị sử dụng lao động tại Thành phố Tuy Hòa để sinh viên rèn luyện như Khoa Kinh tế - Du lịch của Trường Cao đẳng nghề Phú Yên, các khách sạn đạt chuẩn 3-5 sao và các công ty lữ hành có uy tín trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Để thuận tiện hơn trong công tác đào tạo chuyên ngành Văn hóa – Du lịch, nhà trường đang trang bị phòng thực hành bộ môn với một số bộ phận chủ yếu: quầy lễ tân, quầy bar, buồng/phòng mẫu để sinh viên học tập chuyên môn và rèn luyện kỹ năng.

Trường Đại học Phú Yên hiện có:

- Website để phục vụ đào tạo và đối ngoại.
- Mạng máy tính nội bộ có kết nối Internet.
- Tất cả các phòng, ban và khoa đều có máy tính kết nối Internet.

11.2. Thư viện

Hiện nay có đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập; hơn 80% số lượng học phần đăng kí với khoảng 10.000 đầu sách và diện tích sử dụng là 1.236 m².

11.3. Danh mục giáo trình chính của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	Giáo trình Triết học Mác – Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Triết học Mác - Lênin
2	Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Chủ nghĩa xã hội khoa học
4	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

5	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ GD&ĐT	Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội	2019		Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	Giáo trình tin học đại cương Tự học nhanh Microsoft Office (Word - Excel) (dùng cho các phiên bản 2019 - 2016 - 2013)	-Nhóm tác giả trường Đại học Kinh tế TP. HCM - Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Huân	- Lao động – Xã hội - Thanh Niên	2012 2020		Tin học đại cương
7	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Đại học Sư phạm	2015		Pháp luật đại cương
8	Giáo trình Khởi sự kinh doanh	Nguyễn Ngọc Huyền	Đại học Kinh tế quốc dân	2012		Khởi nghiệp
9	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	Võ Thị Ngọc Lan	Đại học Quốc gia	2012		Phương pháp nghiên cứu khoa học
10	Life (BrE) (Second edition) (Vietnam edition): A2-B1 Student's book	John Hughes, Helen Stephenson, Paul Dummett	Cengage Learning	2019		Tiếng Anh 1, 2, 3
11	Tiếng Anh du lịch	Võ Thị Kim Thoa	Đại học Phú Yên	2015		Tiếng Anh du lịch
12	Giáo trình Thể dục	Vũ Thanh Sơn	Đại học Sư phạm	2003		Giáo dục thể chất 1
13	Giáo trình Điền kinh	Nguyễn Kim Minh	Đại học Sư phạm	2003		Giáo dục thể chất 2
14	Giáo trình Cầu lông	Nguyễn Trọng Hải	Đại học Sư phạm	2004		Giáo dục thể chất 3
15	Giáo trình Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh	Đại học Sư phạm	2003		Giáo dục thể chất 4
16	Lịch sử văn minh thế giới	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	2010		Lịch sử văn minh thế giới
17	Tiến trình lịch sử Việt Nam	Nguyễn Quang Ngọc	Giáo dục	2001		Lịch sử Việt Nam
18	Nhân danh học Việt Nam	Lê Trung Hoa	Khoa học Xã hội	2013		Nhân danh và địa danh Việt Nam
19	Địa danh học Việt Nam	Lê Trung Hoa	Khoa học Xã hội	2011		Nhân danh và địa danh Việt Nam
20	Một số vấn đề dân tộc học Việt Nam	Phan Hữu Dật	Đại học Quốc gia	2000		Đại cương các dân tộc Việt Nam

21	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	Giáo dục	2000		Cơ sở văn hóa Việt Nam
22	Văn hóa vùng và phân vùng văn hóa ở Việt Nam	Ngô Đức Thịnh	Khoa học Xã hội	2004		Cơ sở văn hóa Việt Nam
23	Văn học dân gian Việt Nam	Đình Gia Khánh	Giáo dục	2000		Văn học dân gian Việt Nam
24	Tiếng Việt thực hành	Bùi Minh Toán	Đại học Sư phạm	2004		Tiếng Việt thực hành
25	Ngữ âm tiếng Phú Yên	Lê Xuân Hoàng	Lưu hành nội bộ	1996		Ngữ văn địa phương
26	Tiếng địa phương Phú Yên	Lý Thơ Phúc	Lưu hành nội bộ	2000		Ngữ văn địa phương
27	Giáo trình Lịch sử địa phương	Nguyễn Văn Thường	Đại học Phú Yên	2019		Lịch sử địa phương
28	Giáo trình Địa lý địa phương	Nguyễn Thị Ngạn	Đại học Phú Yên	2018		Địa lý địa phương
29	Lược sử mỹ thuật Việt Nam	Phạm Thị Chinh	Đại học Sư phạm	2004		Lược sử mỹ thuật Việt Nam
30	Âm nhạc cổ truyền Việt Nam	Nguyễn Thụy Loan	Đại học Sư phạm	2005		Âm nhạc truyền thống Việt Nam
31	Làng xã Việt Nam - một số vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội	Phan Đại Doãn	Chính trị Quốc gia	2001		Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại
32	Giáo trình Kinh tế du lịch	Nguyễn Văn Đính	Lao động Xã hội	2005		Kinh tế du lịch
33	Marketing du lịch	Trần Ngọc Nam	TP. Hồ Chí Minh	2003		Marketing du lịch
34	Giáo trình Lý thuyết tài chính - tiền tệ	Nguyễn Hữu Tề	Đại học Kinh tế quốc dân	2002		Tiền tệ và thanh toán quốc tế
35	Thanh toán quốc tế	Lê Văn Tề	Lao động Xã hội	2006		Tiền tệ và thanh toán quốc tế
36	Hệ thống các văn bản hiện hành về quản lý du lịch	Tổng cục du lịch	Chính trị Quốc gia	2000		Thủ tục xuất nhập cảnh và bảo hiểm du lịch
37	Tổng quan du lịch	Trần Văn Thông	TP. Hồ Chí Minh	2002		Tổng quan du lịch
38	Địa lý du lịch: những vấn đề lý thuyết và thực tiễn phát triển ở Việt Nam	Nguyễn Minh Tuệ - Vũ Đình Hòa	Giáo dục	2017		Địa lý du lịch
39	Luật du lịch Việt Nam		Lao động	2017		Luật du lịch
40	Đề án phát triển du lịch biển, đảo và ven biển đến 2020	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	Bộ VHTTDL	2015		Loại hình và sản phẩm du lịch
41	Giáo trình Du lịch văn hóa	Trần Thúy Anh	Giáo dục	2014		Loại hình và sản phẩm du lịch
42	Giáo trình Du lịch sinh thái	Lê Huy Bá	Khoa học Kỹ thuật	2014		Loại hình và sản phẩm du lịch

43	Giáo trình Du lịch MICE	Trần Duy Liên	Đại học Đà Lạt	2008	Loại hình và sản phẩm du lịch
44	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục	2007	Tuyển điểm du lịch
45	Quy hoạch du lịch	Trần Văn Thông	TP. Hồ Chí Minh	2002	Quy hoạch du lịch
46	Du lịch và môi trường	Lê Văn Thăng	Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội	2010	Du lịch và môi trường
47	Tâm lý du khách	Phạm Thị Dung	Đại học Quốc gia	2009	Tâm lý du khách
48	Du lịch thế giới	Trần Duy Liên	Đại học Đà Lạt	2010	Du lịch thế giới
49	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam (2020-2030)	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	Bộ VHTTDL	2015	Du lịch Việt Nam
50	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Phú Yên (2020-2025)	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	Bộ VHTTDL	2015	Du lịch cộng đồng
51	Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Nam Trung Bộ (2020-2030)	Viện Nghiên cứu phát triển du lịch	Bộ VHTTDL	2015	Du lịch Phú Yên - Nam Trung Bộ
52	Tổng quan nhiếp ảnh	Nguyễn Đức Chính	Trẻ	2001	Nhiếp ảnh
53	Nghệ thuật quay phim video	Trần Văn Cang	Trẻ	1993	Kỹ thuật quay video
54	Giáo trình Khiêu vũ giao tiếp	Công Thảo	Hội Nghệ sĩ múa TP. Hồ Chí Minh	2014	Khiêu vũ giao tiếp
55	Nghiep vụ điều hành tour	Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch	Tổng cục du lịch	2008	Thiết kế và điều hành tour
56	Giáo trình Quản trị tổ chức sự kiện và lễ hội	Nguyễn Thị Mỹ Thanh	Lao động Xã hội	2015	Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch
57	Giáo trình Quản trị kinh doanh lữ hành	Nguyễn Văn Mạnh	Đại học Kinh tế quốc dân	2009	Nghiep vụ lữ hành
58	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	Bùi Thanh Thủy	Đại học Quốc gia	2009	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch
59	Giáo trình Lý thuyết Nghiep vụ nhà hàng	Vũ Thị Hòa	Lao động	2014	Nghiep vụ nhà hàng
60	Giáo trình Quản trị kinh doanh khách sạn	Nguyễn Văn Mạnh	Lao động Xã hội	2004	Nghiep vụ khách sạn
61	Giáo trình Văn hóa ẩm thực Việt Nam	Nguyễn Thị Diệu Thảo	Đại học Sư Phạm	2007	Văn hóa ẩm thực
62	Phát triển văn hóa Việt Nam trong thời kỳ đổi mới	Phạm Duy Đức	Chính trị Quốc gia	2009	Tổ chức và quản lý các hoạt động văn hóa

63	Giáo trình Quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch	Lê Hồng Lý	Đại học Quốc gia	2010	Quản lý di sản văn hóa và phát triển du lịch
64	Kỹ năng thuyết trình	Dương Thị Liễu	Đại học Kinh tế quốc dân	2013	Kỹ năng thuyết trình trong du lịch
65	Giáo trình Kỹ năng giao tiếp	Đình Văn Đáng	Lao động Xã hội	2006	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch
66	Kỹ năng sinh hoạt tập thể	Trần Thời	Trẻ	2007	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể
67	Bài giảng Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Lao động	2009	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam
68	Giáo trình Hán Nôm dành cho du lịch	Phạm Văn Khoái	Đại học Quốc gia	2003	Di sản văn hóa Hán Nôm
69	Du lịch bền vững	Nguyễn Đình Hòa	Đại học Quốc gia	2001	Phát triển du lịch bền vững

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

Số TT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Số bản	Sử dụng cho môn học/học phần
1	[1].Giáo trình triết học Mác - Lênin	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2005		Triết học Mác - Lênin
2	[2].Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008		
3	[3].Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008		
4	[1].Giáo trình Kinh tế chính trị Mác - Lênin,	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2011		Kinh tế chính trị Mác - Lênin
5	[2].Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008		
6	[3].Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Bộ Giáo dục và đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2008		
7	[1]. Tư tưởng Hồ Chí Minh về một số vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam	Phạm Hồng Chương	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2003		Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh
8	[2]. Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam,	Võ Nguyên Giáp	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2000		
9	[3]. Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay,	Học viện Chính trị QG HCM	CTHC, HN	2010		

10	[1]. Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (tập1, 2, 3)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2007		Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
11	Tin học văn phòng	Phạm Phương Hoa	Thời đại	2014	50	Tin học đại cương
12	Pháp luật đại cương	Lê Minh Toàn	Chính trị Quốc gia	2012	50	Pháp luật đại cương
13	Hỏi và đáp Nhà nước và Pháp luật	Trần Thị Cúc	Đại học Quốc gia	2008	50	Pháp luật đại cương
14	Khởi nghiệp kinh doanh	Lưu Đan Thọ	Tài chính	2012	2	Khởi nghiệp
15	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	Vũ Cao Đàm	Khoa học Kỹ thuật	2000	50	Phương pháp nghiên cứu khoa học
16	New Headway English Course-Pre-intermediate	Liz, John Soars	Oxford University Press	2000	2	Tiếng Anh 1, 2, 3
17	A practical English Grammar	A.J Thomson, A.V. Martinet	Oxford University Press	2001	2	Tiếng Anh 1, 2, 3
18	Objective Pet –Pre-intermediate	Luise Hashemi, Barbara Thomas	Cambridge University Press	2005	2	Tiếng Anh 1, 2, 3
19	Từ điển Du lịch	Nguyễn Xuân Khánh	Trẻ	2002	1	Tiếng Anh du lịch
20	Giáo trình Thể dục Nhào lộn, Thể dục Nghệ thuật	Phạm Nguyên Phùng	Giáo dục Đào tạo	2000	30	Giáo dục thể chất 1
21	Luật điền kinh	Nhiều tác giả	Thể dục Thể thao	2000	30	Giáo dục thể chất 2
22	Giáo trình Cầu lông	Trần Văn Vinh	Đại học Sư phạm	2003	30	Giáo dục thể chất 3
23	Luật bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh	Đại học Sư phạm	2003	30	Giáo dục thể chất 4
24	Lịch sử văn minh nhân loại	Vũ Dương Ninh	Giáo dục	2000	50	Lịch sử văn minh thế giới

25	Những mẩu chuyện lịch sử văn minh thế giới	Đặng Đức An	Giáo dục	2001	50	Lịch sử văn minh thế giới
26	Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến TK X	Nguyễn Cảnh Minh	Giáo dục	2001	50	Lịch sử Việt Nam
27	Lịch sử Việt Nam từ thế kỷ X đến 1858	Trương Hữu Quỳnh	Đại học Sư phạm	2004	50	Lịch sử Việt Nam
28	Lịch sử Việt Nam từ 1858 đến 1919	Nguyễn Ngọc Cơ	Đại học Sư phạm	2004	50	Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam
29	Lịch sử Việt Nam từ 1919 đến 1945	Nguyễn Đình Lễ	Đại học Sư phạm	2005	50	Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam
30	Lịch sử Việt Nam từ 1945 đến 1975	Trần Bá Đệ	Đại học Sư phạm	2005	50	Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam
31	Lịch sử Việt Nam từ 1975 đến nay	Trần Bá Đệ	Đại học Sư phạm	2007	50	Lịch sử cận - hiện đại Việt Nam
32	Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam	Phan Đại Doãn	Giáo dục	2000	2	Nhân danh và địa danh Việt Nam
33	Họ và tên người Việt Nam	Lê Trung Hoa	TP. Hồ Chí Minh	2005	2	Nhân danh và địa danh Việt Nam
34	Văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	Ngô Văn Lệ	Giáo dục	2000	10	Đại cương các dân tộc Việt Nam
35	Phong tục tập quán các dân tộc Việt Nam	Đặng Văn Lung	Văn hóa Dân tộc	2000	10	Đại cương các dân tộc Việt Nam
36	Văn hóa lễ hội truyền thống cộng đồng các dân tộc Việt Nam	Nguyễn Hải Yến	Quân đội Nhân dân	2008	10	Đại cương các dân tộc Việt Nam
37	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Trần Quốc Vượng	Giáo dục	2000	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam
38	Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	TP. Hồ Chí Minh	2001	50	Cơ sở văn hóa Việt Nam
39	Tuyển tập Văn học dân gian Việt Nam	Viện Văn học	Giáo dục	2000	50	Văn học dân gian Việt Nam
40	Ngữ pháp tiếng Việt	Diệp Quang Bang	Giáo dục	2000	20	Tiếng Việt thực hành
41	Tài liệu giảng dạy và hướng dẫn giảng dạy ngữ văn địa phương	Ngô Ngọc Thư, Lê Xuân Hoàng	Sở GD&ĐT Phú Yên	2002	10	Ngữ văn địa phương
42	Các phong trào yêu nước và cách mạng ở Phú Yên (1858-1930)	Nguyễn Văn Thường	Từ điển bách khoa	2009	10	Lịch sử địa phương
43	Địa chí Phú Yên	UBND tỉnh Phú Yên	Chính trị quốc gia	2009	2	Địa lý địa phương
44	Lược sử mỹ thuật và mỹ thuật học	Chu Quang Trứ	Giáo dục	2000	40	Lược sử mỹ thuật Việt Nam
45	Đại cương Lược sử mỹ thuật Việt Nam	Trương Hữu Quỳnh	Mỹ thuật	2000	40	Lược sử mỹ thuật Việt Nam

46	Lịch sử âm nhạc thế giới và Việt Nam	Nguyễn Thụy Loan	Đại học Sư phạm	2007	10	Âm nhạc truyền thống Việt Nam
47	Lý thuyết âm nhạc cơ bản	Phạm Tú Hương	Giáo dục	2000	10	Âm nhạc truyền thống Việt Nam
48	Làng xóm Việt Nam	Toan Ánh	TP. Hồ Chí Minh	2000	2	Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại
49	Đất lề quê thói	Nhất Thanh	TP. Hồ Chí Minh	2000	2	Làng xã Việt Nam truyền thống và hiện đại
50	Giáo trình kinh tế du lịch	Vũ Mạnh Hà	Giáo dục	2010	10	Kinh tế du lịch
51	Giáo trình Marketing du lịch	Nguyễn Văn Mạnh	Đại học Kinh tế quốc dân	2015	2	Marketing du lịch
52	Bài giảng marketing điểm đến du lịch	Trần Thị Minh Hòa	Đại học Quốc gia	2011	2	Marketing du lịch
53	Nhập môn Tài chính - Tiền tệ	Sử Đình Thành	Lao động Xã hội	2008	30	Tiền tệ và thanh toán quốc tế
54	Giáo trình nghiệp vụ thanh toán	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Lao động	2014	2	Tiền tệ và thanh toán quốc tế
55	Thị trường du lịch	Nguyễn Văn Lưu	Đại học Quốc gia	2000	2	- Thủ tục XNC và bảo hiểm du lịch - Du lịch thế giới
56	Giáo trình Tổng quan du lịch	Trần Thị Mai	Lao động Xã hội	2006	2	Tổng quan du lịch
57	Địa lý du lịch	Nguyễn Minh Tuệ	Giáo dục	2000		Địa lý du lịch
58	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục	2007	2	- Tuyển điểm du lịch
59	Biển và đảo Việt Nam	Bộ GD&ĐT	Giáo dục	1995	2	Du lịch biển đảo
60	Một số vấn đề về du lịch văn hóa ở Việt Nam	Vũ Thế Bình	Cục di sản văn hóa	2008	2	Du lịch văn hóa
61	Sinh thái nhân văn	Chế Đình Lý	Đại học Quốc gia	2006	2	- Du lịch sinh thái - Du lịch và môi trường
62	Quy hoạch du lịch	Bùi Thị Hải Yến	Giáo dục	2015	2	Quy hoạch du lịch
63	Tài nguyên và môi trường du lịch Việt	Phạm Trung	Giáo dục	2000	10	- Du lịch và môi trường

	Nam	Lương				
64	Tâm lý học du lịch	Nguyễn Văn Lê	Trẻ	2000	2	Tâm lý du khách
65	Non nước Việt Nam	Tổng cục Du lịch	Bộ VHTTDL	2007	2	Du lịch Việt Nam
66	Du lịch Phú Yên	Ban chỉ đạo phát triển du lịch	Sở VHTTDL	2011	2	Du lịch Phú Yên - Nam Trung Bộ
67	Du lịch Nam Trung Bộ	Viện nghiên cứu phát triển du lịch	Bộ VHTTDL	2018	2	Du lịch Phú Yên - Nam Trung Bộ
68	Ảnh báo chí	Nguyễn Đức Chính	TP. Hồ Chí Minh	2002	2	Nhiếp ảnh
69	Camera truyền hình	Nhiều tác giả	Tp. Hồ Chí Minh	2000	2	Kỹ thuật quay video
70	Chương trình giảng dạy giáo viên khiêu vũ	Hoàng Thông	Trường trung cấp múa TPHCM	2014	1	Khiêu vũ giao tiếp
71	Thực hành Nghiệp vụ lữ hành - hướng dẫn du lịch	Nguyễn Tư Lương	Lao động	2014	2	- Thiết kế và điều hành tour - Nghiệp vụ lữ hành - Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
72	Tổ chức sự kiện	Lưu Văn Nghiêm	Đại học Kinh tế quốc dân	2012	2	- Thiết kế và tổ chức sự kiện văn hóa du lịch - Du lịch đô thị
73	Giáo trình Quản trị du lịch lữ hành	Hà Thùy Linh	Sở GD&ĐT HN	2000	2	- Nghiệp vụ lữ hành - Thiết kế và điều hành tour
74	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	Nguyễn Hoài Nhân	Sở GD&ĐT HN	2000	2	- Nghiệp vụ lữ hành - Thiết kế và điều hành tour
75	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	Trịnh Xuân Dũng	Lao động Xã hội	2003	2	Nghiệp vụ nhà hàng
76	Giáo trình Nghiệp vụ phục vụ ăn uống	Trịnh Xuân Dũng	Thống kê	2005	2	Nghiệp vụ nhà hàng
77	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	Thống kê	2005	2	Nghiệp vụ khách sạn
78	Giáo trình Lý thuyết Nghiệp vụ lễ tân khách sạn	Đỗ Thị Minh	Lao động	2013	2	Nghiệp vụ khách sạn

79	Nghiệp vụ phục vụ khách sạn	Nguyễn Thị Tú	Thống kê	2005	2	Nghiệp vụ khách sạn
80	Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn	Trịnh Cao Khải	Lao động	2009	2	Văn hóa ẩm thực
81	Văn hóa ẩm thực trong lễ hội truyền thống VN	Nguyễn Quang Lê	Văn hóa Thông tin	2003	2	Văn hóa ẩm thực
82	Văn bản quản lý nhà nước về di sản văn hóa	Cục Di sản văn hóa	Bộ VH TTDL	2014	2	- Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa - Quản lý di sản VH với phát triển DL
83	Di sản văn hóa bảo tồn và phát triển	Nguyễn Đình Thanh	TP. Hồ Chí Minh	2008	2	- Quản lý di sản VH với phát triển DL - Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa
84	Di sản văn hóa Phú Yên	Viện Văn hóa - Nghệ thuật	Sở VH TTDL	2011	2	- Tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa - Quản lý di sản VH với phát triển DL
85	Kỹ năng thuyết trình hiệu quả	Lại Thế Luyện	TP. Hồ Chí Minh	2012	2	Kỹ năng thuyết trình
86	Kỹ năng làm hài lòng khách	Nhiều tác giả	Dự án VIE/015-Luxembourg	2000	2	Kỹ năng giao tiếp trong du lịch
87	Kỹ năng dã ngoại tổng hợp	Trần Thời	Trẻ	2000	2	Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể
88	Di tích LSVH và danh thắng Việt Nam	Dương Văn Sáu	Đại học Quốc gia	2008	2	Di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam
89	Giáo trình Tổng quan du lịch và phát triển du lịch bền vững	Nguyễn Bá Lâm	Đại học KD&CN Hà Nội	2007	2	- Phát triển du lịch bền vững - Tổng quan du lịch
90	Từ chữ Hán đến chữ Nôm	Lê Nguyễn Lưu	Thuận Hóa	2002	2	Di sản văn hóa Hán Nôm

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

a) Giảng viên

- Trước khi giảng dạy học phần được nhà trường phân công, giảng viên phải công bố đề cương chi tiết học phần trong đó cần nêu rõ: nội dung trọng tâm, phương pháp học tập; giáo trình chính, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

- Mỗi giảng viên hướng dẫn thực hành không quá 25 sinh viên/nhóm.

- Thứ tự giảng dạy các học phần cần thực hiện theo đúng trình tự như đã phân phối trong chương trình.

b) Sinh viên

- Tích cực học tập, tham dự các tiết học lý thuyết, chuẩn bị bài thực hành đầy đủ.

- Chỉ những sinh viên đủ điều kiện thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo quy định của nhà trường mới được đăng ký học phần “Khóa luận tốt nghiệp”. Sinh viên không thực hiện khóa luận phải đăng ký học các học phần thay thế với số lượng 7 tín chỉ.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Giúp sinh viên phát triển các năng lực chuyên môn, nghề nghiệp; năng lực tự học, tự nghiên cứu; bồi dưỡng và học tập suốt đời.

- Gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn; tăng cường thực hành, thực tế và thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động.

- Tăng cường ý thức trách nhiệm của bản thân đối với việc đào tạo, thực hiện dân chủ hóa trong giáo dục, tham gia vào tất cả các khâu của quá trình đào tạo.


12.3. Đảm bảo các điều kiện phục vụ đào tạo

a) Phòng học, phòng thực hành

- Phòng học lý thuyết cần có máy chiếu; phòng học các môn thực hành và nghiệp vụ cần liên kết với các đơn vị ngoài trường (Khoa Kinh tế - Du lịch của Trường Cao đẳng nghề Phú Yên, các khách sạn đạt chuẩn 3-5 sao và các công ty lữ hành có uy tín trên địa bàn tỉnh Phú Yên) để tổ chức cho sinh viên học tập và rèn luyện. Để thuận tiện hơn trong công tác đào tạo chuyên ngành Du lịch, nhà trường cần trang bị phòng thực hành bộ môn với một số bộ phận chủ yếu: quầy lễ tân, quầy bar, buồng/phòng mẫu để sinh viên học tập chuyên môn và rèn luyện kỹ năng.

- Phòng máy cần được trang bị đầy đủ máy tính và một số phần mềm hỗ trợ dạy học (theo yêu cầu của chương trình đào tạo); khi thực hành cần bố trí 1 máy tính/1 sinh viên.

b) Thư viện, học liệu

Cung cấp đủ tài liệu học tập và tài liệu tham khảo chính cho từng học phần. 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Định